

Nam Bộ trong *Gia Định tam thập cảnh*, *phân bội văn vận phủ vận* của Trịnh Hoài Đức nhìn từ cảm thức sinh thái

Lê Sỹ Đồng*

Tóm tắt: Việc tiếp cận các tác phẩm văn học trung đại Việt Nam từ lý thuyết phê bình văn học phương Tây từ lâu đã được các nhà nghiên cứu quan tâm. Nhờ những lý thuyết này mà rất nhiều tác phẩm văn học đã được đánh giá toàn diện hơn. Trong bài báo này, tôi dựa vào lý thuyết phê bình sinh thái để tìm hiểu *Gia Định tam thập cảnh*, *phân bội văn vận phủ vận*¹ của Trịnh Hoài Đức, nhằm làm rõ ba khía cạnh: hình ảnh thiên nhiên là trung tâm của tứ thơ, sự tương tác hài hòa giữa con người với tự nhiên và góc nhìn nhân văn trong hành trình khai phá tự nhiên. Qua đó, tôi hi vọng sẽ góp thêm một góc nhìn mới về các thi phẩm của Trịnh Hoài Đức.

Từ khóa: Trịnh Hoài Đức; phê bình sinh thái; *Gia Định tam thập cảnh*; Nam Bộ.

Ngày nhận 30/7/2021; ngày chỉnh sửa 18/10/2021; ngày chấp nhận đăng 22/6/2022

DOI: <https://doi.org/10.33100/tckhxnvn8.3.LeSyDong>

1. Đặt vấn đề

Kể từ khi khái niệm phê bình sinh thái được ứng dụng trong nghiên cứu văn học, thì đã có rất nhiều cách hiểu khác nhau, với những định nghĩa của William Rueckert, Cheryl Glotfelty, Harold Fromm, Murphy, Tallmadge, Lawrence Buell, Garrard, v.v.. Chính điều này đã làm cho việc nghiên cứu văn học từ cách tiếp cận này trở nên đa dạng hơn. Nhưng nó cũng tạo ra sự hoài nghi cho người đọc phê bình văn học về một sự thống nhất ở một lý thuyết nghiên cứu. Trong bài báo này, tôi dựa vào quan điểm của K Nayar (2009: 328-346), Vương Nhạc Xuyên (2016) và Trần Đình Sử (2015) để tiếp cận

những sáng tác của Trịnh Hoài Đức từ góc nhìn sinh thái.

Việc áp dụng lý thuyết phê bình sinh thái trong tiếp cận các tác phẩm văn học ở Việt Nam trong 10 năm trở lại đây đã được các nhà nghiên cứu khá quan tâm. Năm 2017, Viện Văn học đã tổ chức hội thảo “Phê bình sinh thái - tiếng nói bản địa, tiếng nói toàn cầu”. Cũng trong năm này, Nguyễn Thị Tịnh Thy cho xuất bản cuốn *Rừng khô, suối cạn, biển độc ... và văn chương*. Trước đó, năm 2016, Trần Thị Ánh Nguyệt bảo vệ luận án “Con người và tự nhiên trong văn xuôi Việt Nam sau 1975 từ góc nhìn phê bình sinh thái” tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Đến năm 2018, Nguyễn Thùy Trang bảo vệ luận án “Tiểu thuyết Việt Nam giai đoạn 1986-2014 từ góc nhìn phê bình sinh thái” tại Trường Đại học khoa học - Đại học Huế. Cùng với các công trình này, có không ít các công trình nghiên cứu được công bố trên các tạp chí như Trần Thị Ánh Nguyệt (2014).

* Trường Đại học Thủ Dầu Một;
email: dongls@tdmu.edu.vn

¹ Gia Định đây là Gia Định trấn, chỉ toàn bộ vùng đất Nam Bộ trước khi Minh Mệnh chia vùng đất này thành lục tỉnh (Hoài Anh 2006: 155).

“Thiên nhiên trong truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư từ góc nhìn phê bình sinh thái”. *Tạp chí Phát triển Khoa học và công nghệ*; Nguyễn Thị Quế Vân, Lâm Hoàng Phúc (2017). “Sinh thái môi trường trong văn xuôi Đoàn Giỏi”. *Tạp chí khoa học Đại học Văn Hiến*; Võ Hồng Nộn (2017). “Cảm thức về sự cộng sinh giữa con người và thiên nhiên trong văn xuôi Nguyễn Tuân”. *Tạp chí khoa học Đại học Phú Yên*, v.v.. Từ đó, có thể xác quyết rằng, việc tiếp cận nghiên cứu văn học từ lí thuyết phê bình sinh thái đã có những đóng góp nhất định trong hoạt động nghiên cứu văn học, giúp đánh giá toàn diện hơn về giá trị nội dung, nghệ thuật của các tác phẩm văn học ở nhiều cấp độ, nhiều giai đoạn, và mang tính đặc thù địa lí. Mặc dù vậy, tới thời điểm hiện tại, tôi vẫn không thấy có bài viết, hay công trình nào nghiên cứu tác phẩm của Trịnh Hoài Đức từ phê bình sinh thái.

Trịnh Hoài Đức (1765-1825) là một trong những công thần khai quốc của triều Nguyễn. Năm 1793, khi chưa đầy 30 tuổi, ông được giao chức Đông cung thị giảng. Đến năm 1794, ông được cử làm Điền tuần quan (một chức quan coi việc khai khẩn) ở Gia Định. Năm 1802, ông được giao làm Chánh sứ đi sứ nhà Thanh. Sau khi đi sứ trở về, ông được thăng làm Thượng thư Bộ Hộ; rồi đến năm 1812, ông được triều đình bổ nhiệm làm Thượng thư Bộ Lễ. Khái lược qua như vậy để thấy, Trịnh Hoài Đức có công lớn trong việc giúp nhà Nguyễn đối ngoại, đối nội; trấn an lưu dân, mở mang vùng hạ lưu sông Mê Kông. Bên cạnh sự nghiệp quan trường, Trịnh Hoài Đức còn để lại những tác phẩm văn học, lịch sử quan trọng, giúp hậu thế tiếp cận, và tường tận hơn vùng đất Nam Bộ cuối thế kỉ XVIII đầu thế kỉ XIX. Cũng từ đó, người đọc có thể dễ dàng nhận thấy cảm thức sinh thái trong rất nhiều bài thơ của Trịnh Hoài Đức. Ở bài báo này, tôi khảo sát *Gia Định tam thập cảnh*

phân bội văn vận phù vận in trong *Cán Trai thi tập*² của Trịnh Hoài Đức để hiểu hơn về mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên, đồng thời tìm hiểu thêm về đất và người Nam Bộ trong quá trình khai phá vùng đất này.

2. Thiên nhiên hoang sơ như là trung tâm phản ánh hình ảnh thế giới trong thơ

Khi nói về vùng đất Nam Bộ xưa, chúng ta nghĩ ngay đến một vùng đất với cỏ cây rậm rạp, sông ngòi, kênh rạch chằng chịt. Ở đó, với rất nhiều loài động vật hoang dã như hổ, rắn, heo, cá sấu, v.v.. Trong *Chân Lạp phong thổ kí*, Châu Đạt Quan (1266-1346) khi đi qua Gia Định có viết, ở mục 18. *Sơn Xuyên*: “Bắt đầu vào Chân bộ (Tchen p’ou, Vũng Tàu hay Bà Rịa) hầu hết các vùng đều là bụi rậm của khu rừng thấp, những cửa rộng của những con sông lớn chạy hàng trăm lí, bóng mát um tùm của những bóng cổ thụ và cây mây dài tạo thành nhiều chỗ trú sum sê. Tiếng chim hót và thú vật kêu vang dội khắp nơi. Vào nửa đường trong cửa sông, người ta mới thấy lần đầu cánh đồng ruộng bỏ hoang, không có một gốc cây nào. Xa hơn tầm mắt chỉ toàn cỏ cây đầy đầy. Hàng trăm hàng ngàn con trâu rừng tụ họp từng bầy trong vùng này. Tiếp đó, nhiều con đường dốc đầy tre chạy dài hàng trăm lí” (Châu Đạt Quan 1973: 80). Với đoạn văn ngắn này, ta thấy dường như Gia Định ở thế kỉ XIII - XIV chỉ là một vùng đất hoang sơ, chủ nhân của nó vẫn là những loài động vật hoang dã “hàng trăm hàng ngàn con trâu

² Hiện Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, còn lưu bản *Cán Trai thi tập* 長齋詩集, khắc in năm Gia Long thứ 18 (1819) ký hiệu A.1392. Theo như đề tựa, thì tập thơ này gồm 2 phần: *Thơ thực truy biên* và *Quan quan*, in năm 1818. (Hoài Anh 2006: 76). Trong bài báo này, tôi sử dụng phiên âm, dịch nghĩa các bài thơ trong cuốn Hoài Anh (2019). *Gia định tam gia thi*, Nhà xuất bản Đồng Nai.

rừng tự hợp”; nơi đây con người vẫn chưa thực sự chú tâm khai khẩn nên “đồng ruộng bỏ hoang”. Tuy nhiên, đến khoảng thế kỉ XVIII, vùng đất này dần được con người làm chủ. Trong *Phủ biên tạp lục*, Lê Quý Đôn (1726-1784) viết: “Trên thì có cửa biển Cần Giờ, ở giữa thì vào cửa biển Soài Rạp, dưới thì vào cửa Đại, cửa Tiểu. Đến chỗ nào cũng là thuyền buôn tụ họp”. (Lê Quý Đôn 2007: 160). Rồi ở vùng Hà Tiên, dân cư cũng bắt đầu đông đúc. Trong *Lịch triều hiến chương loại chí*, mục *Trấn Hà Tiên*, Phan Huy Chú (1782-1840) viết: “Đất hoang xấu, quạnh hiu. Những rần độc, thú dữ, cây cỏ độc tụ cả ở đây. Về thời Hiếu Minh vương, có người Quảng Đông là Mạc Cửu ký ngụ ở Cao Miên. Vua Cao Miên yêu mến, cho ở Hà Tiên. Mạc đuổi những giống thú dữ, khai phá những chỗ cây cỏ rậm rạp, sửa sang những chỗ núi, chằm, mộ người đến buôn bán. Người theo đến ngày một nhiều, sau thuần phục vào chúa Nguyễn”. (Phan Huy Chú 2005: 200). Như vậy, qua nửa thiên niên kỉ, vùng đất Gia Định đã dần chuyển mình, từ chỗ thiên nhiên với không gian tự nhiên thuần túy sang thiên nhiên với những đổi thay trước những sự can thiệp của con người. Song không vì vậy, mà thiên nhiên nơi đây mất đi bản chất hoang sơ của nó. Trong hầu hết *Gia Định tam thập cảnh* của Trịnh Hoài Đức, ta thấy luôn có sự xuất hiện của cảnh sắc thanh trong, cảnh vật thanh bình cùng với sự đa dạng của những loại cỏ cây, động vật hoang dã được miêu tả như là trung tâm phản ánh của tứ thơ.

Về cảnh vật thanh bình hoang sơ, ta có thể dễ dàng bắt gặp ở bất cứ địa điểm nào thuộc Gia Định xưa trong thơ Trịnh Hoài Đức. Về cảnh sông Bến Nghé, có bài *Ngưu tân ngư dịch*, trong đó có câu:

*Phong xuy dương liễu Tam Giang tĩnh,
Nguyệt bình mai hoa ngũ dạ hàn.*

Dịch: Gió thổi dương liễu ở Tam Giang vắng lặng,

Trăng chiếu hoa mai suốt năm canh lạnh lẽo.

Với câu thơ này, Trịnh Hoài Đức như muốn khẳng định cảnh sông nước vẫn giữ được sự bình lặng trước tiếng lao xao từ những bước chân đầu tiên của con người đến cư ngụ nơi đây. Xin nói thêm về sông Bến Nghé, theo *Đại Nam nhất thống chí*: Lục tỉnh Việt Nam, tập thượng, mục *Ngưu Chử hà* (Sông Bến Nghé), viết: “Tục truyền sông này khi trước nhiều cá sấu đuổi nhau kêu rống như tiếng trâu rống, cho nên gọi như thế” (Quốc sử quán Triều Nguyễn 1959: 60), nhưng đến thế kỉ XVIII thì đã khác, cũng trong sách này ghi: “Ở phía bắc huyện Bình Dương 5 dặm, có tên nữa là sông Tân Bình, phát nguyên ở thác Bương Đàm, v.v.. Sông rộng lại sâu, ghe thuyền tàu bè của bán quốc và ngoại quốc đậu liên tiếp đông đảo làm thành chỗ đô hội lớn nhất” (Quốc sử quán Triều Nguyễn 1959: 60), nghĩa là con người đã dần làm chủ khu vực sông Bến Nghé. Tuy vậy, khi đọc hai câu thơ vừa nêu trong *Ngưu tân ngư dịch* thì có vẻ sự tác động của con người đến thiên nhiên nơi đây vẫn chưa nhiều. Hình ảnh “Tam Giang tĩnh”, “ngũ dạ hàn” gợi lên một không gian thuần khiết của tự nhiên với chủ thể là trăng, gió, liễu trong lòng người đọc. Tương tự, cảnh ở Long Hồ cũng vô cùng thanh vắng. Ở đó chỉ có những rặng liễu lặng lẽ thả mình trong đêm thanh không chút bụi trần. Cụ thể hai câu sau trong bài *Long Hồ³ ấn nguyệt*:

*Liễu doanh sương túc quyển nha kỳ,
Thanh dạ vô trần thế hạo hi.*

Dịch: Doanh Liễu sương nghiêm túc, cuốn cờ đuôi neo,

Đêm trong không chút bụi, hiếm có trên đời.

³ Nay thuộc huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

Và dường như, để nhấn mạnh hơn cái thanh trong vô trần của một miền đất mới, Trịnh Hoài Đức đã có một sự liên tưởng rất tinh tế về sự trong trẻo ấy - sự trong trẻo như bầu ngọc. Trong bài *Lại Úc⁴ quan lan*, miêu tả cảnh Cần Giờ, Trịnh Hoài Đức viết:

*Cần Trừ hải kiêu phúc sàm nham,
Cực mục càn khôn ngọc nhất hàm.*

Dịch: Bờ biển Cần Giờ núi non lờm lờm chớm,

Nhìn hút tầm mắt đất trời như một bầu ngọc.

Có thể thấy, về nguyên sơ của thiên nhiên đã được họ Trịnh vẽ ra với những hình ảnh thiên nhiên thuần nhất, chưa hề xuất hiện dấu ấn của con người. Và ngay cả khi có hình ảnh con người, yếu tố chủ đạo vẫn là không gian thiên nhiên hoang vắng trong các bài thơ của ông. Ví như, khi đọc hai câu thơ miêu tả cảnh ở Tân Triều, trong bài *Tân Triều⁵ đãi*:

*Tân Triều đãi độ cô chu hoành,
Nhật lạc vi mang hà thủy bình.*

Dịch: Bến quê Tân Triều thuyền lẻ nằm ngang,

Mặt trời lặn mờ mờ nước sông êm lặng.

So với các câu thơ miêu tả cảnh ở Bến Nghé, Cần Giờ, Long Hồ, thì ở câu thơ này đã thấy sự xuất hiện hình ảnh gắn với cuộc sống con người - hình ảnh con thuyền. Tuy nhiên, ở đây chỉ là hình ảnh “cô chu” - con thuyền cô độc, con thuyền lẻ, nghĩa là nơi đây tuy đã có con người sinh sống nhưng không nhiều. Lại với cách đậu của con thuyền khá tự do - nằm vắt ngang dòng nước như độc chiếm cả thủy lưu, gợi liên tưởng rất ít thuyền ghe đi lại. Thế thì đúng như nhận xét: “Xét đất Đồng Nai từ Đại Hải môn và Tiểu Hải môn ở Tỉnh Trạch, Sài Gòn trở

vào, toàn là rừng rậm đến hơn nghìn dặm” (Lê Quý Đôn 2007: 442).

Cùng gắn với sinh thái hoang sơ ấy, là điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, đất đai cằn cỗi, đang rất cần sự cải tạo của con người. Bài *Chu thổ⁶ sử vân* nói về chất đất ở Long Điền, cụ thể ở câu:

*Hắc lô vu uế tịch tương chu,
Vũ nhiều sơn giản thân khai yển.*

Dịch: Đất đen xấu biết bao rậm rạp, khai phá gần xong,

Mưa nhiều, khe núi nước đầy, sáng đi tháo đập.

Hay bài *Lâu viên⁷ giác liệt* với câu *Lâu Viên nguyên thấp uất bông gian* (Vườn Trầu là vùng ẩm thấp đầy cỏ bông và cỏ may) đã cho người đọc hình dung một vùng cỏ mọc um tùm, hoang vu. Viết về Cẩm Đàm⁸, có bài *Cẩm Đàm phân phái* với những câu thơ tả một vùng sông nước chằng chịt như chân cua, mà dưới nước thì đầu đầu cũng thấy cá sấu lên nhau, trên bờ thì nơi nơi cây cỏ phong kín lối:

*Tiểu độc giải hàm lưu biệt thất,
Trường giang ngạc dẫn thủy xoa tam.
Triều bình dị ngộ thuyền lai vãng,
Thụ ế tảo phong lộ bắc nam.*

Dịch: Mương nhỏ như cua bò chày thành bảy nhánh,

Sông dài cá sấu dẫn toả ra ba dòng như chĩa ba.

Triều phẳng để làm lở thuyền qua lại,
Cây rậm luôn phong kín đường nam bắc.

⁴ Nay thuộc huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh

⁵ Nay là xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai

⁶ Nay là huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

⁷ Nay thuộc xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. “Xưa có nhiều rừng rậm, cọp hay bắt người, nên có câu: dữ như cọp vườn trầu” (Hoài Anh 2006: 173)

⁸ Nay thuộc huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Còn nói về gò Thạch Hỏa⁹, thì có bài *Thạch hỏa lưu quang* miêu tả cảnh gò đất với khí lưu vô cùng nguy hiểm:

Khai tạc công tông cổ Ngũ Đinh,

Khí lưu sơn nhạc phục lôi đình.

Dịch: Công mở đục từ thần Ngũ Đinh thời cổ,

Khí lưu ở núi phục sấm sấm sét.

Như vậy, với những câu thơ trên, Trịnh Hoài Đức đã cho người đọc hình dung về một vùng đất Nam Bộ khá khác so với về trù phú ngày nay. Có lẽ, chúng ta ngày nay, khá quen với những câu cao dao như:

Hết gạo thì có Đồng Nai,

Hết củi thì có Tân Sài trở vô.

Hay như:

Đồng Nai gạo trắng nước trong,

Ai đi đến đó thì không muốn về.

Ai về Gia Định thì về,

Nước trong gạo trắng dễ bề làm ăn...

Đó như là một niềm tự hào về một miền đất hứa đầy sự quyến rũ của những thuận lợi mà tự nhiên ban tặng cho con người. Thế nhưng, như những câu thơ vừa dẫn trên, Trịnh Hoài Đức đã tả lại cảnh Nam Bộ ở thế kỉ XVIII vô cùng khắc nghiệt. Cái khắc nghiệt ấy ở tứ phía, tứ mùa. Nào là mưa giông sấm chớp trên trời, nào là thú hoang mặt đất, nào là dã ngạc dưới sông. Bên cạnh đó, còn có cả đầm hoang nước độc, cỏ mọc thành rừng. Vậy, để có một Nam Bộ hài hòa với cuộc sống con người như ngày nay, hẳn, con người Nam Bộ trong quá trình khai khẩn đã phải rất công phu để thuần hóa được vùng đất hoang hóa này, và hơn hết, họ phải có một tinh thần lạc quan, yêu đời, yêu lao động, đặc biệt là tin vào khả năng của con người có thể dung tồn hòa hợp với thiên nhiên. Không chỉ dừng lại ở đó, Trịnh Hoài Đức còn dựng lại hệ sinh thái hoang sơ của

Nam Bộ với tất cả sự đa dạng sinh học vốn có của nó. Trong thơ Trịnh Hoài Đức, hiện hiện lên cả một bức tranh vạn mộc bách thú ở vùng đất Gia Định xưa với các loại chim muông, cỏ cây đa dạng trên cạn, cá tôm đa chủng dưới nước. Như bài *Mai Khâu*¹⁰ tức *hạc* nói về loài chim hạc:

Cửu cao thanh sạ bá vu thiên,

Chuyển hướng Mai Khâu hào khế miên.

Dịch: Tiếng hạc kêu ở chín đầm bỗng nghe vắng trên trời cao,

Hạc đổi hướng bay đến gò Cây Mai là nơi đậu ngủ tốt.

Ở hai câu thơ này, nhà thơ không chỉ gọi hình dung về một số lượng rất nhiều chim hạc qua vọng âm khắp chín đầm, mà còn nói đến hệ sinh thái phù hợp với tập tính sống của loài hạc – *Mai Khâu hào khế miên*. Lê chẳng, hệ sinh thái ấy cũng hợp với các loại sinh vật có môi sinh gắn với đầm nước như hoa sen, chim le le, chim khách, chim oanh. Và bài *Liên chiếu*¹¹ *miên âu* là một ví dụ:

Âm âm hạm đạm thủy trung tiêu,

Dục bãi sa âu liêm ngọc kiều.

Nật tha xảo thước thu tang giá,

Nhiệm nhĩ lưu oanh chức liễu điều.

Dịch: Hoa sen sum suê vươn cao lên trong nước,

Chim le le tắm xong thu lông ngọc lại.

Gần chim thước khéo léo lấy vỏ gốc cây dâu (để làm tổ),

Mặc chim oanh lạnh lợi dẹt cành liễu.

Những câu thơ này cho thấy các loài sấm cầm thủy mộc mặc sức đua chen, tự nhiên hài hòa cùng tồn tại và phát triển. Trong

⁹ Nay thuộc Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

¹⁰ Nay là khu vực góc đường Nguyễn Thị Nhỏ - Hồng Bàng, phường 16, quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

¹¹ Nay là khu vui chơi giải trí, nằm trên đường Hòa Bình, phường 3, quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

đầm, dưới nước sen mọc um tùm như muốn chiếm lấy thế độc tôn trong đầm nước nhưng lại vẫn nhường không gian sinh tồn cho những chú chim le le. Trên bờ, những cây dâu, cây liễu cũng cùng nhau xen mọc như thế chờ che, ôm ấp những quần thể sinh cảnh gắn với đầm nước. Còn bài *Bình Thủy*¹² quy phạm viết về sự đông đúc của loại chim đa đa:

Thế lưỡng vân lộ kiều bằng điểu.

Ảnh chế tân châu lạc giá cô.

Dịch: Chim bằng thế vút lên mây,

Chim đa đa đậu xuống bóng rợp bãi rau tằm.

Bài *Tân kinh*¹³ thần mục lại nói về sự phong nhiêu của vùng đất mới khai phá:

Thảo dụ bình điền hồ khả lập,

Tang âm lục dã lộ kham môi.

Dịch: Cỏ tốt, ruộng bằng phẳng, có thể săn cáo,

Bóng cây dâu, đồng biếc, cò có thể đậu.

Như vậy, từ những dẫn chứng trên cho thấy, trong tứ thơ của Trịnh Hoài Đức trước hết là miêu tả lại cảnh sắc Gia Định xưa với những đường nét chân thực nhất. Những đường nét ấy chứng minh giá trị của cuộc sống phi con người không phụ thuộc vào tính hữu ích của những dạng sống này đối với con người (K Nayar 2009: 335).

3. Con người trong tương tác hài hòa với tự nhiên, dựa vào tự nhiên trong buổi đầu khai hoang mở đất

Vùng đất Nam Bộ tới thế kỉ XVIII-XIX tuy có nhiều dân binh cư ngụ, nhưng vẫn là

một vùng đất mà ở đó thiên nhiên vẫn là trung tâm, và con người vẫn trên hành trình khai phá vùng đất này. Khi ấy, hành trình con người bám vào tự nhiên mà sinh tồn chẳng khác nào như đứa trẻ mới bắt đầu tập đi phải bám vào vách tường để mà di chuyển. Trong tâm thế ấy, con người Nam Bộ buộc phải chọn lối sống hài hòa với tự nhiên, chấp nhận những sự tác động của tự nhiên. Điều này đã ảnh hưởng không nhỏ đến tư duy nhận thức, đến cách ứng xử, và cách cảm nhận của con người về cuộc sống. Đó chính là những yếu tố tác động đến “sinh thái tinh thần” (chữ dùng theo Trần Đình Sử) của con người. Và văn thơ là sản phẩm tinh thần của con người trong “quan hệ giữa văn nghệ với môi trường sinh thái tinh thần là quan hệ cộng sinh, đáp ứng, thích nghi, lựa chọn, biến đổi, phát triển, biến dạng theo điều kiện môi trường” (Trần Đình Sử 2015).

Khi khảo sát *Gia Định tam thập cảnh* của Trịnh Hoài Đức, tôi thấy hàng loạt các câu thơ thể hiện điều ấy, như câu: *Lâm ngoại Hoa Phong thủy ngoại thôn* (Lũy Hoa Phong ở ngoài rừng, trong thôn gần mé nước) trong *Hoa phong cổ lũy*; hay câu thơ: *Y lâm vi tự dã nhân gia* (Nhà người dân dựa vào rừng tự tập) trong *Tắc khái qua điền*, đều nói về nơi sinh sống gần gũi với tự nhiên của con người. Cũng với nội dung tương tự, bài *Phù*¹⁴ *gia điểu nguyệt*, đã miêu tả sự linh hoạt của con người trước môi trường sống là cả một vùng sông nước mênh mông. Ở nơi đó:

Chu lưu thủy quốc kết phù sào,

Nhàn bả hàn châm đởi nguyệt sao.

Dịch: Khắp vùng sông nước này đều làm tổ nổi (nhà bè),

¹² Nay là quận Bình Thủy, thuộc thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ

¹³ Nay thuộc huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

¹⁴ Miêu tả Cần Giuộc “ở trong có khe ngòi lượn quanh bờ thuyền không nhận được đâu là bờ bên, rừng hồ tung hoành, đi bộ ắt phải lẫm lộn đường mòn, không những vậy thôi, đồng ruộng mênh mông có nhiều ngả rẽ” (Quốc sử quán triều Nguyễn 1959: 54).

Nhân nhân rồi đem lưới câu lạnh câu cá dưới trăng.

Con người thay vì ngăn sông, đắp đê ngăn lũ thì họ làm luôn nhà bè (nhà nổi) để sống theo con nước, tựa vào con nước mà sinh tồn, và cách sống của họ cũng gắn liền với sông nước, lấy thực phẩm được đánh bắt từ sông nước để sinh sống. Một minh chứng khác cho điều này, là ở bài thơ *Ngư tân sơn thị* với hình ảnh các loài dã cầm dật thúy được săn bắt làm hàng hóa phục vụ nhu cầu của con người:

*Điền cầm liệt thú sung Tùng tú,
Ti hiện tăng ngư mẫn Trúc phường.*

Dịch: Chim muông được, chợ Tùng bày bán đầy rẫy,

Đặng đó nhiều cá hến, phố Trúc hàng đầy bán ngỗng ngang.

Rồi trong bài *Cầm Đàm phân phái*, tác giả lại miêu tả cách con người tính thời gian khi đi lí, đó là đi thuyền, nhìn bóng mặt trời (sự thay đổi của tự nhiên) để biết sớm tối:

*Quá khách giới đồ chiêm nhật trắc,
Xả phàm thú trại thuy sơ hàm.*

Dịch: Khách qua đây tính đường đi bèn đo bóng mặt trời,

Bỏ buồm nghỉ lại ở trại lính thú ngủ vừa say.

Trong bài *Ngư tân¹⁵ sơn thị*, ta lại thấy cảnh sinh hoạt cộng đồng ẩn tàng trong thiên nhiên cây cỏ:

*Thủy ái sơn bình chương thủy hương,
Dung âm tế phế thị triển lương.*

Dịch: Núi xanh biếc như bình phong chắn ngang vùng nước,

Bóng đa che rợp, chợ búa mát mẻ thay.

Các câu thơ trong bài *Lộc động tiêu ca* lại nói đến tinh thần lạc quan, yêu lao động khi khai phá, cải tạo miền đất mới mà ở đó dường như có sự đồng thuận của tự nhiên:

*Dã diệu thanh tông khám thụ chấn,
Thôn xoang vận dữ lưu tyễn hoà.
Vân phi hữu ý liên cứu,
Hạc thị tri âm quyền luyện đa.*

Dịch: Diệu quê tiếng theo nhịp chặt cây chấn động,

Vận hoà cùng tiếng suối chảy.

Mây không phải là hữu ý mà lưu liên mãi,

Hạc là tri âm quyền luyện nhiều.

Phải chăng “môi trường có cấu trúc, chức năng, quy luật. Trong hệ thống, các yếu tố của nó tạo thành một quan hệ tương hỗ, tác động qua lại, làm điều kiện đảm bảo duy trì sự sống, tạo được sự lưu chuyển, tuần hoàn năng lượng, tạo cân bằng cho sự sống tiếp diễn. Sự thích nghi và quy luật chống chịu của sinh vật sống” (Trần Đình Sử 2015). Và đó có lẽ là nguyên nhân dẫn đến sự đồng thuận để chia sẻ tài nguyên sinh tồn trong tương tác giữa con người và tự nhiên khi đã coi nhau là bạn. Ở bài *Liên chiếu miên âu*, Trịnh Hoài Đức miêu tả hàng loạt những hoạt động rất tự nhiên của các loài như hoa sen đang mọc vượt đầm lầy, chim le le đang tắm, chim khách đang thu nhặt gốc dâu lằm tổ, chim oanh thì đang dệt cảnh liễu, sau đó đưa ra lời khuyên trước hoạt động của cô gái hái sen: *Du nữ thái liên hư loạn động* (Các cô gái đến hái sen đừng nên khuấy động). Vậy, với Trịnh Hoài Đức con người trong tương tác với tự nhiên muốn hòa vào tự nhiên và cùng tự nhiên sinh tồn thì trước hết phải có sự tôn trọng nơi sinh sống, và hoạt động của mỗi loài. Rồi ở bài *Trấn Định xuân canh*, Trịnh Hoài Đức đã vẽ ra một cảnh sống thanh bình mà nơi đó tâm hồn

¹⁵ Nay là chợ Bến Cá, Thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

con người và trạng thái tự nhiên như có sự đồng điệu:

*Mục đích bồi hoành ngư trạc trạc,
Tiêu ca thanh hoạ điều hài hài.*

Dịch: Trẻ chần trâu sáo ngang lưng, trâu béo tốt,

Tiếng hát người kiếm củi hài hoà với tiếng chim.

Như K Nayar đặt ra vấn đề quan hệ của con người với môi trường sinh thái: *Cần phải có một mối quan hệ tình cảm và phản ứng với tự nhiên chứ không chỉ đơn thuần là lý tính*¹⁶.

Không chỉ thể hiện ở việc cộng sinh của con người với tự nhiên ở hình thức; mà ngay trong tâm hồn, nhận thức của con người, tự nhiên luôn là hình ảnh ám thị tri nhận cho sự liên tưởng, so sánh. Trong bài *Ngư tân ngư địch*, ta thấy rất rõ điều này. Khi tác giả nghe tiếng đồng hồ nhỏ giọt thì liên tưởng ngay đến hình tròn của hạt sương; khi hình dung tiếng sáo thì nghe như lơ lửng trên mây; khi không còn nghe tiếng sáo thì tưởng ngay đến khói sóng mênh mông; và cuối cùng là hình ảnh câu cá mưu sinh - một nét sinh hoạt vừa mang tính thanh tao của Nho giáo và Đạo giáo, lại vừa mang chất thuần hậu, linh hoạt của nông phu:

*Lậu trích tiền lâu ngọc lộ đoàn,
Du dương ngư địch nhiễu vân đoàn.
Yên ba đằm đằm long ngâm yết,
Trường chiếm thu tiêu hạ điều can.*

Dịch: Trên lầu, đồng hồ nhỏ giọt như hạt móc ngọc tròn,

Tiếng sáo chài lơ lửng nơi tầng mây.

Khúc sáo chầm dứt trong cảnh khói sóng mênh mông nhạt nhòa,

Suốt đêm thu buông cần câu cá).

Hoặc ở bài thơ *Quy Dữ vân hà* có câu:

*Bán sơn hoành khái thiên hoa động,
Cách ngạn tà phi ngũ sắc lừng.*

Dịch: Nửa núi ngang mở động ngàn hoa,

Cách bờ bay nghiêng lụa năm sắc.

Lại cho sự liên tưởng thiên nhiên như là sản phẩm do con người tạo ra - ráng chiều như dải lụa. Vậy ở câu thơ này, với sự lãng mạn trong tâm hồn mình, họ Trịnh đã chuyển đổi tâm tri nhận của những người “bán mặt cho đất, bán lưng cho trời” trong buổi đầu khẩn hoang vùng đất mới sang miền cảm thức của thi nhân. Và chẳng, đó là tinh thần lạc quan của những con người tiên phong đi mở cõi. Còn bài *Chiêu Thái tình yên* lại nói về sự tương thông giữa tâm hồn của con người với cảnh vật. Cụ thể ở đây là sự liên tưởng giữa phong thái của ông tiêu với hình ảnh chim hạc:

*Phạt mộc tiêu mê tâm kính túc,
Đái vân hạc thấp biệt chi mao.*

Dịch: Ông tiêu dẫn cây lạc đường tìm lối tắt,

Chờ mây hạc ướm, một chiếc lông tung bay.

Tới đây, ta có thể khẳng định, thiên nhiên đóng một vai trò quan trọng trong các sáng tác của Trịnh Hoài Đức. Nó không chỉ là cái cớ để bộc bạch nỗi lòng, mà còn là đối tượng để miêu tả, và đã trở thành minh chứng cho kí ức của con người trong tương tác với môi trường sống. Cũng từ đó, “thiên nhiên thanh lọc tâm hồn của con người” (Trần Thị Ánh Nguyệt và cộng sự 2016: 179)

4. Cảm thức nhân văn trong hành trình của con người chinh phục tự nhiên

K Nayar, trong mục *Theology Deep ecology* nhận định: *Thể giới quan, suy nghĩ,*

¹⁶ “There has to be an emotional relation with and response to nature and not merely a rational + intellectual one” (K Nayar 2009: 335).

phản ứng và hành động của chúng ta lấy con người làm trung tâm (về mặt kỹ thuật được gọi là ‘anthropocentrism’), nhưng để đảm bảo một hành tinh an toàn hơn, chúng ta cần trở thành sinh thái hoặc xem sinh thái là trung tâm¹⁷. Với quan điểm này, khi tiếp cận *Gia Định tam thập cảnh*, tôi trước hết gạt qua thiên kiến xem con người là chủ thể kiểu như “Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ” (Nguyễn Du), mà xem xét tổng thể sinh thái được miêu tả trong tác phẩm, và xem nó như là một trong những điều kiện tiên quyết quyết định nên cảm hứng, thủ pháp, và giá trị nội dung, tư tưởng của tác phẩm. Sau đây, là những thú vị mà tôi có được từ cách tiếp cận này đối với các thi phẩm của Trịnh Hoài Đức. Trước hết, cảm thức nhân văn được gợi lên từ cảnh vật trong tự nhiên gắn với con người, hoặc hiện tượng tự nhiên gợi lên liên tưởng tới nhân sinh. Cảm thức nhân văn ấy có thể là nỗi nhớ người đã khuất, cũng có thể là ước mong có một cuộc sống hài hòa không chỉ giữa tự nhiên với tự nhiên, mà còn giữa tự nhiên với con người, và chính con người với con người trong cuộc sống. Những điều này, ta rất dễ nhận thấy khi đọc và ngâm thơ Trịnh Hoài Đức. Ví như trong bài *Hoa phong cổ lũy* viết:

Lâm ngoại Hoa Phong thủy ngoại thôn,

Tướng quân¹⁸ tiên khí lũy do tồn.

Vân vi đoán điệp khai trừ ác,

Vũ tủy không hào xuất họa đồn.

Dịch: Lũy Hoa Phong ở ngoài rừng,
trong thôn gần mé nước,

Tướng quân đã mất, lũy vẫn còn.

Mây vẩy tường ngăn hình chữ triện mở
ra màn trướng của vị tướng,

Mưa rữa hào không, lộ ra chiếc đồn sơn
vẽ.

Như vậy, ở đây với hình ảnh “vân vi”, tình cảnh “tướng quân” đã gợi lên nỗi nhớ của người đang sống với người đã khuất. Vấn đề đặt ra là nỗi nhớ của tác giả trong hai câu thơ này khởi lên từ đâu? Một điều chắc chắn là, trong lòng tác giả đã sẵn hoài niệm về tướng quân. Tuy nhiên không phải có sẵn hoài niệm đó rồi thì lúc nào con người cũng biểu hiện nó ra ngoài. Xét ở tình và cảnh trong những câu thơ này, với góc độ lấy cảnh vật làm trung tâm, ta thấy, không phải trong lòng tác giả đang hoài niệm về người có công xây thành Hoa Phong đã làm cho mây vẩy tường, hay làm cho thành lưu hiện, lưu tồn; mà là trước cảnh hiện tồn của mây và thành đã tác động đến tâm trạng, khơi lên nỗi nhớ trong lòng nhà thơ về tướng quân. Nghĩa là, trước hiện thực của cảnh vật (hơn nữa là cảnh ấy lại gắn liền với cổ nhân) nên gợi lên hình ảnh cổ nhân trong lòng người ngắm cảnh. Cảnh vật ở đây chính là chất xúc tác tạo nên cảm xúc của con người. Và, nỗi nhớ được khơi lên từ cảnh vật. Từ đó, cảnh vật mang tâm hồn của thi nhân. Đúng như nhận định: “Tự nhiên cũng là yếu tố quan trọng của sinh thái tinh thần. Tự nhiên là cái gốc của sự sống. Thiên nhiên là cái nôi nuôi dưỡng tâm hồn con người. Hoa cỏ, cây cối, bốn mùa xuân hạ thu đông, tình người tự nhiên, tình trai gái, tình gia đình máu mủ, tình quê hương cũng là bộ phận tự nhiên trong sinh thái tinh thần” (Trần Đình Sử 2015). Cũng chính điều này, mà Trịnh Hoài Đức còn có những suy tư về hiện tượng tự nhiên như là một cách thổ lộ nhân sinh quan về số phận con người. Như bài *Tác Khái¹⁹ qua điển*:

Phọc thân kiến ách tham viên diu,

Thích khẩu vô ky nhàn lộ nha.

¹⁷ “Our world view, thinking, responses and action are human - centric (technically called ‘anthropocentrism’), but in order to ensure a safer planet we need to become eco - or biocentric.” (K Nayar 2009: 371)

¹⁸ Nói về việc năm 1700, Nguyễn Hữu Cảnh sai người đắp lũy Hoa Phong tại huyện Bình Dương, tỉnh Gia Định, để chống giặc do Nặc Thu cầm đầu.

¹⁹ Nay thuộc huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Dịch: Vượn khi tham ăn nên mắc vào dây trời,

Cò quạ ăn cho thích khâu không bị ràng buộc.

Ở đây, họ Trịnh cùng miêu tả hành vi, thói tính cơ bản giống nhau của các loài khác trong việc tham thực, nhưng số phận của các loài lại khác nhau. Với nội dung này, hai câu thơ đã thể hiện sự bất công, bất bình đẳng ở các loài vật do con người gây ra. Điều này như một dự báo, con người sẽ là tác nhân gây mất cân bằng sinh thái ở các loài trong tự nhiên trên hành trình con người xâm lấn hệ sinh thái duy tồn của các loài vật. Có lẽ Trịnh Hoài Đức không chỉ nói về sự bất công mà con người gây ra với loài vật trong thế giới tự nhiên, mà còn ngầm ý, con người với thói tham thực của mình, rất có thể sẽ gây ra sự bất công với cả chính cộng đồng người, nếu như con người không có sự đối đãi hài hòa trong tương tác với các đối thể trong cuộc sống.

Ở một khía cạnh khác, cảm thức nhân văn trong sự tương tác giữa con người với sinh thái còn ở chỗ con người nhận thức về thế giới tự nhiên. Trong *Hoa phong cổ lũy* có câu *Lạp từ chi kim sưu giáo thố* (Người đi săn đến nay sục tìm con thỏ khôn ranh), cho thấy sự tôn trọng của con người với các loài động vật hoang dã - xem loài vật cũng có trí khôn. Nói như Vương Nhạc Xuyên, phê bình sinh thái “chú trọng quan hệ hài hòa giữa con người và tự nhiên, chủ trương nhân loại chuyển biến từ “ý thức tự ngã” sang “ý thức sinh thái”. Con người và trái đất có quan hệ hòa hợp sinh mệnh cùng tồn vong, nhân loại không thể là chúa tể của muôn loài nữa, mà là một thành viên trong muôn loài trên trái đất, cùng sinh tử với các thành viên khác trong thế giới tự nhiên” (Vương Nhạc Xuyên 2016). Cùng với đó,

Trịnh Hoài Đức còn chú ý và ca ngợi tiết tháo của loài vật, cụ thể ở đây là loài chim hạc trong *Mai khâu túc hạc*:

Tự khoa nhĩ thảo đồng thanh bạch,

Thả hứa phương danh cộng bảo tuyền.

Dịch: Tự khoe tiết tháo cao nhã, đồng trong trắng,

Lại hẹn danh thơm cùng giữ vẹn toàn.

Từ nhận thức ấy, Trịnh Hoài Đức còn cho người đọc thấy được vẻ đẹp của cô cây vốn có sẵn trong bản chất tự nhiên của nó. Ví như vẻ đẹp của cây quýt, trong bài *Thùy Vân*²⁰ quát phỏ:

Hoa hàm bạch ngọc sơn sơn thốc,

Thục kết hoàng kim thụ thụ chiêm.

Dịch: Hoa chứa ngọc trắng khắp núi chi chít,

Quả kết vàng cây nào cũng có.

Như vậy, từ chỗ tôn trọng thế giới tự nhiên, tác giả thấy rõ hơn vẻ đẹp về thể cách cũng như phẩm cách của các loài trong tự nhiên. Những vẻ đẹp ấy cũng không khác gì vẻ đẹp thanh tao của những con người luôn biết giữ gìn tiết tháo trước những lẽ đời. Ngoài ra, trong thế đối chọi với tự nhiên để sinh tồn, Trịnh Hoài Đức không đứng ở vị thế loài người - “chúa tể” của muôn loài để miêu tả cảnh hạ sát chim muông cây cỏ, mà ông đứng ở tâm thế đồng đẳng của các chủng loài trong cuộc đấu tranh để sinh tồn, và cố gắng không làm tổn hại đến sinh thể của nhau. Điều này được tác giả thể hiện trong cách dùng từ “khu” - ngăn, chia; từ “cảnh” - cảnh giác, ở bài *Tiên phỏ*²¹ giang thôn:

Đàn nam sát võng triều khu ngọc,

²⁰ Núi Thùy Vân, Bãi Thùy Vân nay thuộc thành phố Vũng Tàu.

²¹ Tiên Phỏ là Bến Tiên thuộc thôn Vĩnh Phước, huyện Vĩnh An, tỉnh An Giang xưa (gần chợ Vĩnh Phước tức chợ Sa Đéc hiện nay).

Loa nữ phi xoa dạ cảnh long.

Dịch: Trai làng sáng giăng lưới ngăn cá sấu,

Gái quê đêm khoác áo tới cảnh giới rồng.

Nếu như, không đặt ở thể đồng đẳng, với tâm thức nhân văn, có lẽ tác giả đã dùng từ “diệt” thay cho từ “khu”, từ “sát” thay cho từ “cảnh”. Cuối cùng, cảm thức nhân văn về sinh thái mà Trịnh Hoài Đức gửi đến người đọc đó là tinh thần nhân đạo, yêu thương muôn loài. Ở bài *Lâu viên giác lập* thể hiện rất rõ điều này:

Ngũ ba nhất phát cung sơ thí,

Thập điều tam khu giá sạ hoàn.

Nhược vấn công hầu tâm phúc lữ,

Ứng tri tế tế tại lâm san.

Dịch: Thoạt tiên thử bắn một phát vào năm con heo đực chạy tới,

Bao vây ba mặt mười con chim rồi liền quay ngựa trở lại.

Nếu người bạn tâm phúc hỏi chuyện công hầu,

Thì nên biết phải nhân đạo ở chốn núi rừng.

Bốn câu thơ trên miêu tả cách đi săn thú rừng (heo rừng) của người dân Nam Bộ, đó là cách săn bắt thô sơ - vây đuổi bằng chim thú, và hạ bắt bằng cung tên. Mới đọc qua, ta thấy nổi lên vẻ khốc liệt, bạo tàn. Nhưng khi đọc đến câu cuối, và soi chiếu vào lịch sự khẩn hoang Nam Bộ, ta lại thấy việc săn bắn ấy như một lễ tất yếu trong quá trình dịch chuyển sinh thái tự nhiên. Ở đó, con người buộc phải tìm kiếm thực phẩm cho mình để tồn tại. Nhưng với Trịnh Hoài Đức, vấn đề không dừng lại ở chỗ sinh tồn, mà còn là ở việc sinh tồn như thế nào. Trịnh Hoài Đức nêu rõ *Ứng tri tế tế tại lâm san* - con người cần đối xử nhân đạo với rừng núi. Tức phải xem rừng núi, tự nhiên như một

thực thể cần được bảo vệ. Đúng như góc nhìn của K. Nayar: *Deep Ecology đề xuất sự tôn trọng không chỉ đối với tất cả các dạng sống mà còn đối với cảnh quan như núi rừng sông suối*²². Và khi con người có sự tôn trọng nhất định với tự nhiên, thì sẽ thấy được đạo lý của tự nhiên: *Lại Úc quan lan*.

Thiệp hiểm thử trung hoàn hữu đạo,

Vãng lai chung ổn khách thương phạm.

Dịch: Vượt hiểm nguy mới biết ở trong đó vẫn có đạo lý,

Thuyền khách thương qua lại tốt cuộc vẫn yên ổn.

Quả nhiên, tự nhiên sẽ đối đãi một cách sòng phẳng với con người từ những gì con người đối xử với nó. Nói như vậy để thấy rằng, cảm thức nhân văn trong thơ Trịnh Hoài Đức trên hành trình của con người chinh phục tự nhiên, trước hết là ý thức về mối quan hệ giữa giữa con người với các sinh thể khác trong tự nhiên là mối quan hệ hữu cơ; và sau nữa là khát vọng lưu tồn những đặc tính vốn có của tự nhiên như là khát vọng muốn bảo tồn sự đa dạng sinh học nhằm làm cho thế giới phong phú hơn, cuộc sống của con người thi vị hơn.

5. Kết luận

Tóm lại, trong *Gia Định tam thập cảnh, phân bội văn vận phú vận* của Trịnh Hoài Đức, ta luôn thấy một Nam Bộ ở thế kỉ XVIII-XIX với hình ảnh tự nhiên sống đôi cùng hoạt động của con người. Ở đó, con người tựa nương vào tự nhiên để sinh tồn và phát triển. Còn tự nhiên cũng có “đạo lý” riêng của mình để bảo tồn những gì vốn có của nó. Bên cạnh đó, với cảm thức nhân

²² “Deep Ecology proposes a respect not only for all life forms but also towards landscapes such as rivers and mountains” (K. Nayar 2009: 336).

văn, Trịnh Hoài Đức đã xem con người như một bộ phận của hệ sinh thái. Nhà thơ luôn yêu cầu, trong quá trình tương tác để sinh tồn, thì con người phải biết tương hợp và tôn trọng tự nhiên, để cùng tồn tại và phát triển.

Cũng từ những phân tích trên, tôi nhận thấy “dùng góc nhìn sinh thái, có thể khảo sát văn học đông tây kim cổ” (Đỗ Văn Hiểu 2012) đã giúp cho người đọc có một cách nhìn mới về các tác phẩm văn học. Ở đó, người đọc chuyển dịch từ định thức con người là trung tâm sang ý thức về mối quan hệ hữu cơ giữa con người với môi trường xung quanh, thậm chí có thể xem môi trường là đối tượng chính trong việc đọc văn học. Qua đó, con người có ý thức hơn trong việc bảo vệ môi trường, cải tạo môi sinh, và có những sự can thiệp cần thiết trong việc khai thác tài nguyên thiên nhiên để phục vụ đời sống con người.

Tài liệu trích dẫn

- Châu Đạt Quan. 1973. *Chân Lạp phong thổ kí*, (Lê Hương dịch). Sài Gòn: Ki Nguyên Mới ấn bản.
- Cheryl I Glotfelty, Harold Fromm. 1996. *The Ecocriticism Reader: Landmarks in Literary Ecology*. Athens: University of Georgia Press.
- Đỗ Văn Hiểu. 2012. “Phê bình sinh thái – khuynh hướng nghiên cứu văn học mang tính cách tân”. Tạp chí *nghiên cứu và khoa học, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh*, số 15 (X2): 48-54.
- Hoài Anh. 2006. *Gia Định tam gia*. Đồng Nai: Nhà xuất bản Tổng hợp Đồng Nai.
- K Nayar Pramod. 2009. *Contemporary Literary and Cultural theory: From Structuralism to Ecocriticism*. Delhi: Publisher Pearson. Bản PDF.
- Lê Quý Đôn. 2007. *Phủ biên tạp lục*. Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin.
- Nguyễn Thị Tịnh Thy. 2017. *Rừng khố, suối cạn, biển độc... và văn chương*. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
- Phan Huy Chú. 2005. *Lịch triều hiến chương loại chí*. Tập 1. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. 1959. *Đại Nam nhất thống chí: Lục tỉnh việt nam, tập thượng*. (Nguyễn Tạo dịch). Sài Gòn: Nha Văn hóa Bộ quốc gia giáo dục ấn bản. Timothy Clark 2011. *The Cambridge Introduction to Literature and the Environment*. New York: Cambridge University Press.
- Trần Đình Sử. 2015. “Phê bình sinh thái tinh thần trong nghiên cứu văn học hiện nay” (<https://trandinhstu.wordpress.com/phe-binh-sinh-thai-tinh-than-trong-nghien-cuu-van-hoc-hien-nay>). Truy cập tháng 5 năm 2021.
- Trần Thị Ánh Nguyệt và cộng sự. 2016. *Con người và tự nhiên trong văn xuôi Việt Nam sau năm 1975 từ góc nhìn phê bình sinh thái*. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
- Viện Văn học. 2017. “Phê bình sinh thái – tiếng nói bản địa, tiếng nói toàn cầu”. Kỷ yếu hội thảo quốc tế.
- Vương Nhạc Xuyên. 2016. “Văn học sinh thái và lí luận phê bình sinh thái”. (Đỗ Văn Hiểu lược dịch) (<http://nguvan.hnue.edu.vn/van-hoc-sinh-thai-va-li-luan-phe-binh-sinh-thai-3-1059>). Truy cập tháng 4 năm 2021.